TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **153/2018/HNGĐ-ST**
Ngày: 22/5/2018
V/v *"Xin ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Phan Ngọc Thành**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Huỳnh Thị Châu**

Bà Huỳnh Ngọc Hoa

- Thư ký phiên tòa: **Bà Đinh Thị Tuyết Hạnh**

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa: Bà* Lê Thị Hằng** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 05 năm 2017 về việc: *"Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26/4/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị D**, sinh năm: 1986.

HKTT: Số nhà 371, khu 3, ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: Số 206, tổ 7, ấp 1, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh **Trần Bá D**, sinh năm: 1982.

Nơi cư trú: Số nhà 371, khu 3, ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Chị D có mặt, anh D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 18/5/2017, các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Phạm Thị D trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh D sau thời gian tìm hiểu, quen biết nhau thì tự nguyện đi đến kết hôn, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc, chị D và anh D đã đăng kí kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/03/2009.

Sau khi kết hôn, chị D và anh D chung sống với nhau mới phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị D và anh D tính tình không hợp, hay bất đồng quan điểm dẫn đến hay cãi nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hai vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay. Từ khi ly thân, không ai quan tâm đến ai, bỏ mặc nhau muốn sống ra sao thì sống, không thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng. Nay tình cảm của chị D đối với anh D đã không còn, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị D yêu cầu xin ly hôn với anh D.

- Về con chung: Vợ chồng chị D và anh D chung sống có 02 con chung là cháu Trần Phạm Khánh M, sinh ngày 10/11/2009 và cháu Trần Phạm Bá K, sinh ngày 07/3/2012.

Khi ly hôn, chị D yêu cầu được nuôi cháu K còn anh D nuôi cháu M, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết và vợ chồng cũng không có nợ chung.

*** Bị đơn anh Trần Bá D: vắng mặt**

Trong quá trình giải quyết, bị đơn anh Trần Bá D đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án; được triệu tập hợp lệ để làm việc, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng anh D không đến Tòa án làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, tuy nhiên còn vi phạm về thời hạn xét xử. Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành pháp luật, bị đơn không chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Giao cho chị D được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Trần Phạm Bá K, sinh ngày 07/3/2012. Giao cho anh D được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Trần Phạm Khánh M, sinh ngày 10/11/2009.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

* Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015, anh Trần Bá D cư trú tại: Số nhà 371,

khu 3, ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai; vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện T.

Anh Trần Bá D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Vụ án được xét xử vắng mặt bị đơn.

* Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị D và anh Trần Bá D tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/03/2009 nên quan hệ hôn nhân giữa chị D, anh D là hợp pháp.

Xét tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh D nhận thấy: Sau khi kết hôn, vợ chồng chị D và anh D chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị D và anh D tính tình không hợp, hay bất đồng quan điểm dẫn đến hay cãi nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hai vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay. Từ khi ly thân, không ai quan tâm đến ai, bỏ mặc nhau muốn sống ra sao thì sống, không thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng. Nay tình cảm của chị D đối với anh D đã không còn, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị D yêu cầu xin ly hôn với anh D.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/01/2018, ông Trần Bá H là cha ruột của anh D, cùng chung sống một nhà cho biết: Hai vợ chồng D, D đã không sống chung với nhau hơn một năm nay. Lý do là chị D có qua lại tình cảm với một người hàng xóm ở gần nhà, sau đó hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, rồi chị D bỏ đi nơi khác. Ông H yêu cầu Tòa án xem xét vì hai vợ chồng chị D và anh D đã không còn tình cảm với nhau. Chị D nuôi cháu K và anh D nuôi cháu lớn là cháu M.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/01/2018 của đại diện ban ấp nơi hai vợ chồng D, D sinh sống cho biết: Hai vợ chồng D và D đã không sống chung với nhau hơn một năm nay.

Anh D cố tình vắng mặt không đến Tòa án để làm việc, cũng không thể hiện ý chí, quan điểm của mình về quan hệ hôn nhân với chị D. Từ đó cho thấy rằng, anh bỏ mặc hôn nhân của mình, mặc cho hậu quả ly hôn hay không ly hôn xảy ra như thế nào; không quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân này và không tiến hành hòa giải.

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh D là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng hòa giải, hàn gắn đoàn tụ. Nên chấp nhận đơn xin ly hôn của chị D.

[2] Về nuôi con chung: Chị D có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc cháu Trần Phạm Bá K, sinh ngày 07/3/2012. Không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Trần Phạm Khánh M, sinh ngày 10/11/2009, từ khi chị D không còn chung sống với anh D thì cháu M đã trực tiếp ở với anh D. Nhằm để cháu ổn định cuộc sống, học tập và cháu cũng có nguyện vọng được ở cùng anh D, hơn nữa chị D cũng đồng ý giao cháu M cho anh D. Vì vậy, giao cháu M cho anh D trực tiếp chăm sóc giáo dục. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, anh D không có ý kiến nên không đặt ra để giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Khi ly hôn, chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật HNGĐ năm 2014;
- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Trần Bá D.

- Về con chung: Giao cho chị D được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Trần Phạm Bá K, sinh ngày 07/3/2012. Giao cho anh D được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Trần Phạm Khánh M, sinh ngày 10/11/2009.

Khi ly hôn, pháp luật vẫn bảo hộ mọi quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con chung (Quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; quyền thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con …).

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

- Về án phí: Chị D phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 002140 ngày 26/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thống Nhất. Chị D đã nộp đủ án phí.

Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tống đạt hợp hợp lệ cho bị đơn hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND H.TN;
- Chi cục THADS H.TN;
- Các Đ/s;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Ngọc Thành